

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HS-ST

Ngày 21-04-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Cao Tấn

Ông Phạm Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/HSST-QĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/HSST-QĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam, sinh năm 1991; ĐKKTT và nơi ở: Xóm Đình Phùng, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Lê Thanh H2, sinh năm 1966; con bà: Mai Thị Ng, sinh năm 1974; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1997; có hai con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; nhân thân: Ngày 23/4/2013 bị TAND huyện X Trường xử phạt 05 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; ngày 19/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 21 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bản án chưa có hiệu lực pháp luật; bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 21/9/2021 đến 30/9/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định.

2. Họ và tên: Bùi Văn B, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam, sinh năm: 1999; ĐKKTT và nơi ở: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Bùi Duy M, sinh năm 1976; con bà: Trần Thị Ánh Ng, sinh năm 1977;

gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 2000, có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/02/2016, TAND huyện Xuân Trường ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với hành vi “Cố ý gây thương tích”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2021; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn H1; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1997; ĐKKHKT và nơi ở: Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1956; con bà: Lê Thị Th, sinh năm 1957; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2021; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Cao Văn Xuân, sinh năm 1982

Trú tại: Xóm 15, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

2. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1983

Trú tại: Xóm 5 Quyết Tiến, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

3. Chị Mai Thị Ph, sinh năm 1988

Trú tại: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

4. Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1974

Trú tại: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng đầu năm 2020, khi biết Phạm Cao C, sinh năm 1984, trú tại: Xóm phố Lạc Quần, xã X huyện X, tỉnh Nam Định đang quản lý cửa hàng dịch vụ K88 có địa chỉ ở Tổ dân phố Lâm Khang, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định cho vay lấy lãi với mức lãi suất tính theo ngày từ 4.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày, Lê Văn H, sinh năm 1991, trú tại: Xóm Đình Phùng, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cùng góp vốn số tiền 100 triệu đồng để cho vay lấy lãi. Tháng 4/2020 Cường, H thuê Bùi Văn B, sinh năm 1999, trú tại: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định trả lương 5.000.000đ/tháng, hỗ trợ thêm 2.000.000đ/tháng tiền ăn; đến tháng 11/2020 thuê thêm Nguyễn Văn H1, sinh năm 1997, trú tại: Xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định trả lương 5.000.000đ/tháng, hỗ trợ thêm 1.000.000đ/tháng tiền ăn. C là người quản lý chung, H là người trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động của cửa hàng, còn

B, H1 thì ăn ngủ tại cửa hàng, có nhiệm vụ thường xuyên có mặt tại cửa hàng, hướng dẫn khách hàng làm thủ tục vay tiền, sau đó nhập tên, địa chỉ, khoản vay, thời điểm vay của khách hàng vào phần mềm quản lý cầm đồ “Mecash” trên máy vi tính của cửa hàng; hàng ngày mở phần mềm này để theo dõi danh sách người vay tiền, để biết lịch thu tiền lãi, số tiền lãi cần thu của khách hàng. Nếu đến hạn trả lãi mà khách hàng chậm trả thì gọi điện thoại giục đóng lãi hoặc đến nhà khách hàng để lấy lãi. Một số khách hàng trả tiền lãi vào tài khoản của H1 số 3205205335711 mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện X Trường, tỉnh Nam Định. H thống nhất lãi suất khi cho khách vay là 5.000đồng/triệu/ngày, có trường hợp quen biết thì lãi suất là 4.000đ/triệu/ngày. Khi khách hàng đến vay tiền, thì H1 hoặc B hướng dẫn khách điền các thông tin vào mẫu giấy biên nhận vay tiền đã được in sẵn, rồi lấy tiền tại cửa hàng hoặc điện thoại cho H đến đưa tiền cho khách vay. Khách hàng vay tiền thường phải để lại giấy tờ cá nhân như căn cước công dân, giấy phép lái xe hoặc sổ hộ khẩu để làm tin. B làm đến tháng 11/2020 thì tạm nghỉ, tháng 4/2021 B quay lại tiếp tục làm thuê cho H Ph. Trong thời gian tạm nghỉ B vẫn giúp H cho khách vay tiền và thu tiền lãi của khách theo sự chỉ đạo của . Khoảng đầu tháng 4/2021 C xuất cảnh ra nước ngoài, nên H là người quản lý chung cửa hàng K88.

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định đã xác định được 04 trường hợp vay tiền của cửa hàng K88, cụ thể như sau:

1. Trường hợp anh Cao Văn X, sinh năm 1982, trú tại: Xóm 15, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định: Do quen biết với nhau từ trước nên ngày 01/3/2021, anh X gọi điện thoại hỏi vay H số tiền 100.000.000 đồng. H đồng ý và thống nhất lãi suất vay là 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày trả lãi một lần với số tiền lãi là 5.000.000 đồng. H đến nhà đưa cho anh X số tiền 95.000.000 đồng (đã cắt lãi trước 10 ngày là 5.000.000đ). Anh X không phải viết giấy biên nhận vay tiền hay để lại giấy tờ cá nhân gì để làm tin. Khoản vay này anh X đã trả lãi cho H đến 14/5/2021 (74 ngày) với tổng số tiền là 37.500.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự 2015, số tiền chiếm hưởng hợp pháp là 20%/ năm của khoản tiền vay (tức là tiền gốc). Như vậy, số tiền chiếm hưởng hợp pháp của 74 ngày trong trường hợp này là: $(100 \text{ triệu đồng tiền gốc} : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày} \times 20\%) \times 74 \text{ ngày} = 4.111.111 \text{ đồng}$. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $37.500.000\text{đ} - 4.111.111\text{đ} = 33.388.888 \text{ đ}$. Ngày 15/5/2021, anh X hỏi vay thêm H số tiền 70.000.000 đồng. H đồng ý, thỏa thuận gộp cả hai khoản vay lại trả lãi với mức 4.000 đồng/triệu/ngày, cứ 10 ngày trả lãi 6.800.000 đồng. Khoản vay này, anh X đã trả lãi cho H đến 19/6/2021 (35 ngày) với tổng số tiền lãi là 23.800.000 đồng. Số tiền

mà H chiếm hưởng bất hợp pháp là: $23.800.000đ - ((170.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 35) = 20.494.444$ đồng.

Ngày 20/6/2021, anh X tiếp tục hỏi vay thêm H số tiền 50.000.000 đồng. H đồng ý, thỏa thuận gộp cả ba khoản vay lại, tổng cộng là 220 triệu đồng, trả lãi với mức 4.000 đồng/triệu/ngày, cứ 10 ngày trả lãi 8.800.000 đồng. Khoản vay này anh X mới trả lãi cho H 01 lần với số tiền 11.000.000 đồng, tương đương lãi suất vay của 13 ngày. Đến nay, anh X chưa trả thêm lần tiền lãi nào, hiện vẫn còn nợ tiền vay gốc. Số tiền mà H chiếm hưởng bất hợp pháp là: $11.000.000đ - ((220.000.000:12:30 \times 20\%) \times 13) = 9.411.111$ đồng. Như vậy, quá trình cho anh X vay tiền, tổng số tiền H chiếm hưởng bất hợp pháp là 63.294.443 đồng.

Anh X thường trả tiền lãi cho H vào số tài khoản 9196999699999 mang tên Lê Văn H mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội chi nhánh Long Biên, thành phố Hà Nội (BL 12 - 38, 309 - 312). Ngoài ra, khi H bận thì chỉ đạo B hoặc H1 đến nhà để nhận tiền lãi từ anh X hoặc chị Đinh Thị T, sinh năm 1993 (vợ anh X) rồi đưa lại cho H. B đến nhà thu tiền lãi 02 lần, một lần thu được số tiền 4.000.000 đồng, một lần đến nhưng anh X nói không có tiền nên không thu được tiền lãi. H1 thu 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) từ anh X và chị T, sau khi nhận tiền lãi B và H1 đều đưa lại cho Huy.

Ngoài ra, anh X tự nguyện giao nộp 01 USB chứa 02 đoạn video được trích xuất từ camera của nhà anh X với nội dung: H đến nhà để đòi tiền anh X, nhưng do không gặp được, nên H có hành vi dùng chân đạp vỡ chậu cây trước cửa nhà anh X rồi ra về. Do chậu cây có giá trị không lớn nên quá trình điều tra anh X không yêu cầu xử lý đối với H về hành vi đạp vỡ chậu cây nêu trên.

2. Trường hợp anh Trần Văn Q, sinh năm: 1983, trú tại: xóm 5, Quyết Tiến, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định: Do quen biết với nhau từ trước nên khoảng đầu tháng 7/2020, anh Q hỏi vay H số tiền 50.000.000 đồng. H đồng ý và thống nhất lãi suất vay là 5.000 đồng/triệu/ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Anh Q không phải viết giấy biên nhận vay tiền hay để lại giấy tờ cá nhân gì để làm tin. Khoản vay này anh Q đã trả lãi cho H trong 92 ngày với tổng số tiền là 23.000.000 đồng. Vậy số tiền mà H chiếm hưởng bất hợp pháp là: $23.000.000đ - ((50.000.000:12:30 \times 20\%) \times 92) = 20.444.444$ đồng.

Sau đó anh Q thỏa thuận với H lãi suất giảm xuống còn 4.000đ/triệu/ngày. Anh Q đã trả lãi trong 73 ngày vay tiếp theo với tổng số tiền là 14.600.000 đồng. Số tiền H chiếm hưởng bất hợp pháp là:

$14.600.000đ - ((50.000.000:12:30 \times 20\%) \times 73) = 12.572.222$ đồng. Anh Q thống nhất với H xin dừng trả lãi để trả dần tiền nợ gốc.

Ngày 20/10/2020, anh Q tiếp tục vay thêm số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/triệu/ngày. Anh Q trả lãi vay 73 ngày với tổng số tiền lãi là 21.900.000 đồng thì xin dừng trả lãi để trả dần tiền nợ gốc. Số tiền H chiếm hưởng bất hợp pháp là:

$$21.900.000đ - ((100.000.000:12:30 \times 20\%) \times 73) = 17.844.444 \text{ đồng.}$$

Tổng số tiền lãi H đã chiếm hưởng bất hợp pháp là 50.861.110 đồng. Anh Q thường trả tiền lãi trực tiếp cho Huy, những lần không gặp được thì chuyển vào số tài khoản 9196999699999 mang tên Lê Văn H mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội chi nhánh Long Biên, thành phố Hà Nội (BL 322 - 345).

Hiện anh Q đã trả hết số tiền gốc cho Huy.

3. Trường hợp chị Mai Thị Ph, sinh năm 1988; Trú tại: xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định: Ngày 15/9/2020, B dẫn chị Ph đến nhà H hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất vay thỏa thuận là 4000 đồng/triệu/ngày, cứ 15 ngày (01 kỳ) trả lãi 1.200.000 đồng. Chị Ph đồng ý, ký vào giấy biên nhận vay tiền do B đưa và để lại Giấy chứng minh nhân dân để làm tin. H cắt lãi trước 01 kỳ đầu, đưa cho B 18.800.000 đồng. B nhận tiền và đưa luôn cho chị Ph. Khoản vay này chị Ph trả lãi đến ngày 16/12/2020 với tổng cộng 06 kỳ lãi (90 ngày vay) với tổng số tiền lãi đã trả là 7.200.000 đồng. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $7.200.000đ - ((20.000.000:12:30 \times 20\%) \times 90) = 6.200.000 \text{ đồng.}$

Ngày 16/12/2020 chị Ph tiếp tục hỏi B để vay thêm 10.000.000 đồng. B gọi điện thoại cho Huy, H đồng ý bảo B đến cửa hàng gặp H1 lấy tiền. Khi đưa tiền cho B, H1 cắt lãi trước 01 kỳ (15 ngày) với số tiền 1.800.000 đồng. B nhận tiền, đưa lại cho chị Ph 8.200.000 đồng. Hai bên thống nhất gộp cả hai khoản vay lại, tổng cộng là 20.000.000 đồng, với mức lãi suất là 4.000đ/triệu/ngày. Khoản vay này chị Ph trả lãi đến ngày 30/8/2021, tổng cộng là 258 ngày vay với tổng số tiền lãi là 30.960.000đ. B là người trực tiếp thu tiền lãi rồi đưa lại cho H hoặc H1 theo yêu cầu của H. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $30.960.000đ - ((30.000.000:12:30 \times 20\%) \times 258) = 26.660.000 \text{ đồng.}$ Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là 32.860.000 đồng. Chị Ph đã trả H hết số tiền gốc đã vay là 30 triệu đồng.

4. Trường hợp chị Phạm Thị H2, sinh năm: 1974; trú tại: xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định: Khoảng giữa tháng 01/2021, chị H2 đặt vấn đề với B muốn vay số tiền 20.000.000 đồng nên B gọi điện thoại cho C. C đồng ý cho vay với lãi suất là 5000 đồng/triệu/ngày (01 kỳ lãi là 10 ngày) và bảo B đến cửa hàng để lấy tiền. Do chị H2 là hàng xóm ở cạnh nhà nên B đứng ra đảm bảo khoản vay, không yêu cầu chị H2 viết giấy biên nhận vay tiền hay để lại giấy tờ gì làm tin.

Sau đó, B đến cửa hàng gặp H1, H1 gọi điện thoại cho H xác nhận khoản vay thì H đồng ý và bảo H1 cắt lãi trước 10 ngày. H1 đưa cho B 19.000.000 đồng mang về cho chị Huê. Hết thời gian vay 10 ngày đầu, chị H2 trả trước 5.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 15.000.000 đồng. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là:

$$1.000.000đ - ((20.000.000:12:30 \times 20\%) \times 10) = 888.888 \text{ đồng.}$$

Số tiền 15.000.000 đồng còn lại, chị H2 vay đến ngày 21/9/2021 thì trả hết nợ gốc. Tổng số kỳ lãi chị H2 đã trả trực tiếp cho B là 23 kỳ (230 ngày) với tổng số tiền lãi là 17.250.000 đồng. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là:

$$17.250.000đ - ((15.000.000:12:30 \times 20\%) \times 230) = 15.333.333 \text{ đồng.}$$

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là 16.222.221 đồng.

Quá trình chị H2 trả tiền lãi, B trực tiếp thu lãi của chị H2 rồi đưa lại cho H hoặc đưa cho H1 để H1 đưa lại cho Huy.

Như vậy H đã sử dụng tổng số tiền 370.000.000 đồng để cho anh X và anh Q vay với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương lãi suất từ 108% đến 180%/năm) để chiếm hưởng bất hợp pháp tổng cộng số tiền là 113.044.442 đồng. H còn chỉ đạo H1 và B sử dụng số tiền 50.000.000 đồng của cửa hàng K88 cho chị Ph, chị H2 vay với lãi suất từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/triệu/ngày, chiếm hưởng bất hợp pháp số tiền là 49.082.221 đồng. Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp trong quá trình cho anh X, anh Q, chị Ph và chị H2 vay là 162.126.663 đồng.

Ngày 30/9/2021 Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Văn H; ngày 14/12/2021 tiếp tục ra Quyết định khởi tố bị can đối với Bùi Văn B, Nguyễn Văn H1 về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định, Bùi Văn B, Nguyễn Văn H1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được. Đối với Lê Văn H chỉ thừa nhận việc cho anh Xuân, anh Q vay tiền như nêu trên; H không thừa nhận đã thuê B, H1 làm nhân viên và khẳng định không cho chị Ph, chị H2 vay tiền, thu tiền lãi như nội dung lời khai của B, H1. Ngày 12/12/2021, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định đã cho B, H1 lần lượt tiến hành đối chất với Huy. Kết quả, B, H1 khai nhận như nội dung đã khai trước đây, phù hợp với nội dung vụ án được nêu ở trên. Lê Văn H khai báo quanh co, không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng bọn.

Ngoài ra theo lời khai của H1, B xác nhận còn nhiều người khác vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên các bị can không nhớ được thông tin, tên tuổi, địa chỉ cụ thể, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định không thu thập được tài khoản “Mecash” mà các đối tượng đã sử dụng để quản lý danh sách những người vay tiền. Vì vậy không đủ căn cứ để xác định thêm những người vay tiền tại cửa hàng K88.

Đối với các trường hợp có giao dịch trả tiền qua tài khoản số 3205205335711 mang tên Nguyễn Văn H1, mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện X Trường, tỉnh Nam Định như anh Lâm Văn Th, sinh năm 1995, trú tại: Xóm 16, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, anh Vũ Văn D, sinh năm 1989, trú tại: Xóm 4, xã H huyện H, tỉnh Nam Định. Quá trình điều tra xác định anh D, anh Th có quan hệ vay tiền với C. Tuy nhiên hiện C đã xuất cảnh ra nước ngoài, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định không triệu tập, làm rõ được nội dung này, nên đã tách ra, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định tiến hành cho chị Ph, chị H2 nhận dạng B; Cho chị Ph nhận dạng H. Chị Ph, chị H2 đã nhận ra B, H là những người cho các chị vay tiền lấy lãi suất cao. (BL 96 – 140).

Vật chứng thu giữ tại nơi ở của H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại màn hình cảm ứng, vỏ lưng màu vàng; tạm giữ của B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen; Tạm giữ của H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại màn hình cảm ứng, vỏ lưng màu ghi. Số vật chứng này đã chuyển Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định chờ xử lý. Đối với 02 đoạn video do anh X cung cấp đã chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Đối với Phạm Cao C: Ngày 01/4/2021 C xuất cảnh ra nước ngoài, nên Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định chưa triệu tập, lấy lời khai. Tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ chứng minh C phạm tội. Vì vậy Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định đã tách phần tài liệu này để tiếp tục xác minh, điều tra, xử lý sau.

Cáo trạng số 04/CTr-VKS-P3 ngày 13/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Lê Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn H1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 02 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội: Lê Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn H1 về tội “ Cho vay lãi nặng trong

giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 02 Điều 201, điểm s khoản 01 Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52 BLHS; Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS; Áp dụng điểm i khoản 01 và khoản 02 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H1; Xử phạt Lê Văn H từ 12 đến 15 tháng tù; Bùi Văn B từ 09 đến 12 tháng tù; Nguyễn Văn H1 từ 09 đến 12 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017 để xử lý vật chứng theo qui định pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; biên bản đối chất và các tài liệu trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng đầu năm 2020, khi biết Phạm Cao C đang quản lý cửa hàng dịch vụ K88 có địa chỉ ở Tổ dân phố Lâm Khang, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định cho vay lấy lãi với mức lãi suất cao, Lê Văn H xin cùng góp vốn số tiền 100 triệu đồng để cho vay lấy lãi. Cường, H quản lý chung, đã thuê Bùi Văn B, Nguyễn Văn H1 thực hiện hoạt động cho vay tiền lấy lãi với lãi suất từ 3.000 đồng/triệu/ngày tương đương 108%/năm; 4.000 đồng/triệu/ngày tương đương 144%/năm hoặc 5.000 đồng/triệu/ngày tương đương 180%/năm vượt quá 05 lần mức lãi xuất do Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định (20%/năm). Cửa hàng K88 hoạt động đến khoảng đầu tháng 4/2021 thì C xuất cảnh ra nước ngoài, để cho H quản lý cửa hàng. Trong thời gian này H đã sử dụng số tiền 370 triệu đồng của cá nhân cho anh Cao Văn X và anh Trần Văn Q vay với lãi suất từ 3.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày, chiếm hưởng bất hợp pháp số tiền 113.044.442 đồng; sử dụng số tiền 50 triệu đồng của cửa hàng chỉ đạo B, H1 cho chị Mai Thị Ph và chị Nguyễn Thị H2 vay với mức lãi suất từ

4.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày, chiếm hưởng bất hợp pháp số tiền 49.082.221 đồng. Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là 162.126.663 đồng. Hành vi của Lê Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo qui định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. HĐXX, áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đối với bị cáo H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thời gian tham gia quân đội được xuất ngũ về địa phương. HĐXX, áp dụng điểm i khoản 01 và khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội hai lần trở lên. HĐXX, áp dụng điểm g khoản 01 Điều 52 BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên là đồng phạm, HĐXX sẽ quyết định hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo trong đồng phạm; Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo nhằm trừng trị đồng thời giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. HĐXX, xác định khoản tiền gốc và lãi như sau:

Đối với khoản tiền gốc mà anh Cao Văn X vay là 220.000.000 đồng, đến nay anh X chưa trả cho Lê Văn H. HĐXX, buộc anh Cao Văn X p Hải nộp vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình giao dịch thì anh Cao Văn X đã trả lãi cho Lê Văn H phần lãi suất vượt quá 20% theo qui định của Bộ luật Dân sự. Tổng số Lê Văn H đã nhận tiền lãi suất vượt quá 20% của anh Cao Văn X là

63.294.000 đồng, về nguyên tắc thì Lê Văn H phải trả lại cho anh X số tiền này nhưng thực tế thì anh X chưa trả tiền gốc cho Huy. Đối trừ khoản tiền gốc với tiền lãi vượt quá 20% là $220.000.000 \text{ đồng} - 63.294.000 \text{ đồng} = 156.706.000 \text{ đồng}$. Như vậy, cần buộc anh Cao Văn X phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 156.706.000 đồng; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự mà Lê Văn H đã thu của anh X tổng cộng là 9.006.000 đồng. Về nguyên tắc số tiền này phải tịch thu vào ngân sách nhà nước. Như vậy, khoản tiền lãi vượt quá 20% và khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà Lê Văn H đã nhận của anh X là $63.294.000 \text{ đồng} + 9.006.000 \text{ đồng} = 73.300.000 \text{ đồng}$. Số tiền này buộc Lê Văn H phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền gốc anh Trần Văn Q vay của Lê Văn H là 150.000.000 đồng, anh Q đã trả cho H nên buộc H phải nộp vào ngân sách nhà nước; Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% anh Q đã trả cho H là 50.861.000 đồng, HĐXX buộc H phải trả lại cho anh Q; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà Lê Văn H đã nhận của anh Q là 8.640.000 đồng, HĐXX buộc H phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền gốc chị Mai Thị Ph vay của Lê Văn H là 30.000.000 đồng, chị Ph đã trả cho H nên buộc H phải nộp vào ngân sách nhà nước; Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% chị Ph đã trả cho H là 32.860.000 đồng, HĐXX buộc H phải trả lại cho chị Ph; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà Lê Văn H đã nhận của chị Ph là 5.300.000 đồng, HĐXX buộc H phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền gốc chị Phạm Thị H2 vay của Lê Văn H là 20.000.000 đồng, chị H2 đã trả cho H nên buộc H phải nộp vào ngân sách nhà nước; Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% chị H2 đã trả cho H là 16.222.000 đồng, HĐXX buộc H phải trả lại cho chị Ph; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà Lê Văn H đã nhận của chị H2 là 1.917.000 đồng,

Tóm lại, các khoản tiền gốc và lãi suất mà Lê Văn H cho anh Cao Văn X, Trần Văn Q, Mai Thị Ph, Phạm Thị H2 vay là 289.157.000 đồng. Đây là số tiền dùng làm phương tiện phạm tội và tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với các khoản tiền lãi vượt quá 20% mà Lê Văn H đã nhận của anh Q, chị Ph và chị H2 thì buộc Lê Văn H phải trả lại.

[7] Về xử lý vật chứng: Thu giữ của Lê Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại màn hình cảm ứng, vỏ l ng màu vàng; Thu giữ của B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen; Thu giữ của H1 01 điện thoại di động

nhãn hiệu Iphone, loại màn hình cảm ứng, vỏ lưng màu ghi; Những điện thoại này không liên quan đến phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn H1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Áp dụng khoản 02 Điều 201; điểm s khoản 01 Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017. Xử phạt Lê Văn H 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2021.

Áp dụng khoản 02 Điều 201; điểm s khoản 01 Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017. Xử phạt Bùi Văn B 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2021.

Áp dụng khoản 02 Điều 201; điểm s, i khoản 01 và khoản 02 Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017. Xử phạt Nguyễn Văn H1 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2021.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017

Buộc Lê Văn H phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền sử dụng cho vay và số tiền lãi đã nhận của anh Cao Văn X, anh Trần Văn Q, chị Mai Thị Ph và chị Phạm Thị H2 tổng cộng là 289.157.000đ (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Buộc anh Cao Văn X phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc vay của Lê Văn H là 156.706.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng).

Buộc Lê Văn H phải trả số tiền lãi vượt quá qui định của Bộ luật Dân sự cho anh Trần X Quý là 50.861.000đ (Năm mươi triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng), trả cho chị Mai Thị Ph 32.860.000đ (Ba mươi hai triệu tám trăm sáu

mười nghìn đồng), trả cho chị Phạm Thị H216.222.000đ (Mười sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại màn hình cảm ứng, vỏ lưng màu vàng không kiểm tra chất lượng máy bên trong, đã được niêm phong; 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong, đã được niêm phong; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại màn hình cảm ứng, vỏ lưng màu ghi không kiểm tra chất lượng máy bên trong, đã được niêm phong.

Biên bản giao nhận vật chứng số 31/22 ngày 19/01/2022 giữa Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Các bị cáo Lê Văn H, Bùi Văn B, Nguyễn Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự Lê Văn H phải nộp 4.997.000 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Anh Tuấn